

Số: 62 /BC-THPTĐS

Đức An, ngày 26 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công khai trong hoạt động của Trường THPT Đắk Song năm học 2025 - 2026
(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ kế hoạch năm học 2025 - 2026, kế hoạch giáo dục nhà trường, báo cáo tổng kết năm học, số liệu cơ sở dữ liệu ngành, hồ sơ tài chính, cơ sở vật chất và các minh chứng hiện có của Trường THPT Đắk Song;

Trường THPT Đắk Song xây dựng Báo cáo thường niên công khai trong hoạt động của nhà trường năm học 2025 - 2026 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin cơ bản về cơ sở giáo dục

STT	Nội dung công khai	Thông tin
1	Tên cơ sở giáo dục	Trường THPT Đắk Song
2	Địa chỉ	Thôn 4, xã Đức An, tỉnh Lâm Đồng
3	Số điện thoại	02613.710585
4	Email	c3daksong.daknong@moet.edu.vn
5	Trang thông tin điện tử	https://c3daksong.daknong.edu.vn
6	Loại hình	Trường trung học phổ thông công lập
7	Cơ quan quản lý trực tiếp	Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng
8	Năm thành lập	2003
9	Quyết định thành lập	Quyết định số 132/2003/QĐ-UB ngày 16/12/2003 của UBND tỉnh Đắk Lắk
10	Tổng số lớp năm học 2025 - 2026	27 lớp
11	Tổng số học sinh cuối năm học 2025 - 2026	1.193 học sinh

2. Quá trình hình thành và phát triển

Trường THPT Đắk Song được thành lập theo Quyết định số 132/2003/QĐ-UB ngày 16 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, trên cơ sở tách ra từ Trường THPT Đắk Mil. Đến năm 2010, Trường THPT Phan Đình Phùng được thành lập mới tại xã Đắk N'Drung, huyện Đắk Song trên cơ sở tách từ Trường THPT Đắk Song theo Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2010 của UBND tỉnh Đắk

Nông. Từ năm học 2017 - 2018, trường tiếp tục được tách thêm Trường THPT Lương Thế Vinh.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Trường THPT Đăk Song luôn nỗ lực giữ vai trò là một trong những cơ sở giáo dục THPT có uy tín trên địa bàn; chú trọng xây dựng nền nếp, chất lượng giáo dục, phát triển đội ngũ, cải thiện cơ sở vật chất và mở rộng quan hệ phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Nhà trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia cấp độ I từ năm 2016 và được công nhận lại năm 2023 theo Quyết định số 657/QĐ-SGDĐT ngày 27/5/2023.

3. Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và phương châm hành động

Sứ mệnh: Xây dựng Trường THPT Đăk Song là nơi có môi trường giáo dục thân thiện, kỷ cương, nhân văn, chất lượng và đổi mới; nơi mỗi học sinh được tôn trọng, được khích lệ phát huy năng lực, được trang bị nền tảng tri thức, phẩm chất, kỹ năng và định hướng nghề nghiệp cần thiết để tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn hoặc thích ứng tốt với cuộc sống, lao động và công dân số trong xã hội hiện đại.

Tầm nhìn: Đến năm 2035, Trường THPT Đăk Song phấn đấu trở thành một trong những trường trung học phổ thông có chất lượng giáo dục tốt, quản trị hiện đại, môi trường học tập an toàn, thân thiện và giàu bản sắc địa phương; là địa chỉ tin cậy của phụ huynh và học sinh; có đội ngũ giáo viên yêu nghề, vững chuyên môn, có năng lực số, có tinh thần đổi mới; cơ sở vật chất đáp ứng tốt yêu cầu dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực và hội nhập.

Giá trị cốt lõi: **Kỷ cương - Nhân văn - Trách nhiệm - Sáng tạo - Hợp tác - Phát triển bền vững.**

Phương châm hành động: **“Đoàn kết - Kỷ cương - Chất lượng - Đổi mới - Trách nhiệm - Phát triển bền vững”.**

4. Chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy

Trường THPT Đăk Song là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng, hoạt động theo quy định của pháp luật.

Nhà trường thực hiện nhiệm vụ xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông; tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý học sinh; quản lý đội ngũ; huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực; quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; bảo đảm chất lượng giáo dục, kiểm định chất lượng giáo dục; thực hiện dân chủ, công khai, trách nhiệm giải trình và các nhiệm vụ khác theo quy định.

STT	Nội dung	Số lượng/Thông tin
1	Lãnh đạo nhà trường	01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng
2	Chi bộ	33 đảng viên; Ban Chi ủy có 04 thành viên
3	Công đoàn cơ sở	60 công đoàn viên; Ban Chấp hành có 05 thành viên
4	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	1.101 đoàn viên; 27 chi đoàn học sinh và 01 chi đoàn giáo viên
5	Tổ chuyên môn, tổ văn phòng	05 tổ

5. Quy mô học sinh năm học 2025 - 2026

Khối	Số lớp	Đầu năm	Cuối năm	Nam	Nữ	DTTS	Chuyển đi	Chuyển đến
10	8	354	345	158	187	16	11	2
11	9	416	406	177	229	27	21	11
12	10	447	442	196	246	20	7	2
Toàn trường	27	1.219	1.193	531	662	63	39	15

Nhận xét: Quy mô học sinh của trường ở mức lớn, bình quân 44,15 học sinh/lớp. Số học sinh cuối năm giảm 26 học sinh so với đầu năm, chủ yếu do chuyển trường; tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số chiếm khoảng 5,28% tổng số học sinh cuối năm. Quy mô lớp học cao đòi hỏi nhà trường tiếp tục tăng cường quản trị lớp học, tư vấn học sinh, phối hợp với cha mẹ học sinh và phát triển cơ sở vật chất để đáp ứng yêu cầu dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng, cơ cấu đội ngũ

STT	Nhóm vị trí việc làm	Tổng số	Nam	Nữ	Ghi chú
1	Lãnh đạo quản lý	03	03	0	01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng
2	Giáo viên biên chế	53	24	29	Theo danh sách đội ngũ năm học 2025 - 2026
3	Giáo viên hợp đồng	03	0	03	Bổ sung cho nhu cầu giảng dạy
4	Nhân viên	08	03	05	Gồm 04 biên chế và 04 hợp đồng
5	Tổng cộng	67	30	37	So với định mức nhà trường còn thiếu 5 giáo viên

2. Cơ cấu giáo viên và CBQL theo môn học

Môn/linh vực	Số lượng	Môn/linh vực	Số lượng	Môn/linh vực	Số lượng
Toán	8	Vật lý	3	Hóa học	5
Sinh học	3	Tin học	4	Ngữ văn	9
Lịch sử	5	Địa lý	5	Tiếng Anh	6
Giáo dục công dân/GDKT&PL	2	GDQP&AN	2	Thể dục	4
Tổng số giáo viên theo môn	56				

3. Trình độ đào tạo, chuẩn nghề nghiệp và bồi dưỡng

STT	Chỉ tiêu công khai	Số lượng/ Tỷ lệ	Ghi chú
1	Cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn trở lên	100%	Theo báo cáo đội ngũ năm học 2025 - 2026
2	Tỷ lệ trên chuẩn trong biên chế	10%	Gồm 03 CBQL, 02 GV và 01 Kế toán
3	Trình độ thạc sĩ	06	Gồm lãnh đạo, giáo viên theo thống kê đội ngũ
4	Trình độ đại học	54	
5	Trình độ cao đẳng/trung cấp	0	
6	Giáo viên hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên	100%	Đã có QK trên TEMIS
7	Cán bộ, giáo viên hoàn thành bồi dưỡng về chuyên đổi số, AI trong dạy học và quản trị	100%	Hoàn thành
8	Cán bộ quản lý, giáo viên được đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp	100 đạt Khá, Tốt	

Nhận xét: Đội ngũ nhà trường cơ bản ổn định, 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn trở lên, bảo đảm triển khai nhiệm vụ năm học. Nhà trường cần tiếp tục chú trọng bồi dưỡng năng lực triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018, năng lực kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực; năng lực số, sử dụng học liệu số, trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm trong dạy học, quản trị và hỗ trợ học sinh.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP

1. Thông tin cơ sở vật chất chủ yếu

STT	Nội dung	Số lượng/Diện tích	Bình quân/Ghi chú
1	Số phòng học	24	Bình quân khoảng 1,2 m ² /học sinh
2	Phòng học kiên cố	24	Không có phòng học tạm, phòng học nhờ
3	Phòng học bộ môn	05	Bình quân khoảng 1,24 m ² /học sinh
4	Bình quân lớp/phòng học	1,125	27 lớp/24 phòng học
5	Bình quân học sinh/lớp	44,15	Tính trên 1.193 học sinh cuối năm
6	Tổng diện tích đất	13.358 m ²	Khoảng 11,2 m ² /học sinh
7	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập	6.580 m ²	Khoảng 5,5 m ² /học sinh
8	Tổng diện tích các phòng	2.062,8 m ²	Khoảng 1,90 m ² /học sinh
9	Diện tích phòng học	1.321 m ²	Khoảng 0,94 m ² /học sinh
10	Diện tích phòng học bộ môn	280,8 m ²	Khoảng 0,5 m ² /học sinh
11	Diện tích thư viện	73 m ²	Thư viện chưa đạt chuẩn về diện tích

STT	Nội dung	Số lượng/Diện tích	Bình quân/Ghi chú
12	Diện tích nhà tập đa năng	370 m ²	Phòng giáo dục rèn luyện thể chất
13	Diện tích phòng Đoàn, phòng truyền thống	18 m ²	Chưa có phòng truyền thống đúng chuẩn
14	Phòng nghỉ/khu nội trú	06 phòng = 173 m ²	12 giường; khoảng 14 m ² /chỗ

2. Thiết bị dạy học, công nghệ thông tin và hạ tầng hỗ trợ

STT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1	Bộ thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	03 bộ	01 bộ/khối lớp
2	Thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	Hầu hết còn thiếu do đã xuống cấp và hư hỏng	Đã đề nghị Sở GD trang bị bổ sung theo chương trình GDPT 2018
3	Máy vi tính phục vụ học tập	50 bộ	Khoảng 2,25 học sinh/bộ theo báo cáo hiện có
4	Máy vi tính phục vụ thư viện	03 bộ	Đặt tại thư viện
5	Máy vi tính phục vụ hành chính	07 bộ	Giao cho các bộ phận
6	Tivi tại lớp/phòng học	24	01 thiết bị/lớp/phòng theo thống kê
7	Loa di động	01	Đã cũ
8	Máy chiếu, projector, vật thể	00	
9	Nhà bếp, nhà ăn	0	Trường chưa tổ chức bếp ăn, nhà ăn
10	Nhà vệ sinh giáo viên	Đạt chuẩn	Diện tích khá nhỏ
11	Nhà vệ sinh học sinh	02 nhà vệ sinh Nam/ nữ tuy nhiên chưa đạt chuẩn	

Nhận xét: Cơ sở vật chất của nhà trường cơ bản đáp ứng hoạt động dạy học nhưng còn áp lực do quy mô học sinh lớn, số phòng học hiện có thấp hơn số lớp, bình quân học sinh/lớp cao. Nhà trường cần ưu tiên tham mưu đầu tư phòng học, phòng học bộ môn, thiết bị dạy học tối thiểu theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, hạ tầng công nghệ thông tin, thư viện số và các điều kiện bảo đảm an toàn trường học.

3. Sách giáo khoa, tài liệu tham khảo và học liệu

STT	Nội dung công khai	Thông tin
1	Danh mục sách giáo khoa lớp 10 năm học 2025 - 2026	30 bộ
2	Danh mục sách giáo khoa lớp 11 năm học 2025 - 2026	30 bộ

STT	Nội dung công khai	Thông tin
3	Danh mục sách giáo khoa lớp 12 năm học 2025 - 2026	30 bộ
4	Danh mục tài liệu tham khảo, học liệu dùng chung	6975 cuốn
5	Học liệu số, thư viện số, tài nguyên học tập trực tuyến	Sử dụng thư viện số DLIBK12

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ TRƯỜNG CHUẨN QUỐC GIA

STT	Nội dung	Kết quả/Thông tin công khai	Ghi chú
1	Tự đánh giá chất lượng giáo dục	Đạt chuẩn cấp độ I	Bổ sung theo báo cáo tự đánh giá hiện hành
2	Công nhận đạt chuẩn quốc gia lần thứ nhất	Đạt chuẩn quốc gia cấp độ I năm 2016	Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 01/06/2026 của UBND tỉnh Đắk Nông
3	Công nhận đạt chuẩn quốc gia lần thứ hai	Đạt chuẩn quốc gia cấp độ I năm 2023	Quyết định số 657/QĐ-SGDĐT ngày 27/5/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông
4	Mức độ kiểm định chất lượng giáo dục đã được công nhận	Đạt chuẩn kiểm định chất lượng cấp độ II	Bổ sung theo giấy chứng nhận/ quyết định công nhận
5	Kế hoạch cải tiến chất lượng	Đang tiếp tục thực hiện cải tiến chất lượng, phấn đấu đạt chuẩn cấp độ II vào năm 2028	Theo định hướng chiến lược phát triển nhà trường

Nhận xét: Nhà trường đã có nền tảng về kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường chuẩn quốc gia. Trong giai đoạn tiếp theo, yêu cầu trọng tâm là duy trì vững chắc các tiêu chí đã đạt, khắc phục các tiêu chí còn hạn chế, ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, nâng cao chất lượng đội ngũ, chất lượng giáo dục và quản trị nhà trường theo hướng hiện đại, minh bạch, hiệu quả.

V. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kế hoạch hoạt động giáo dục năm học 2025 - 2026

STT	Nội dung kế hoạch	Thông tin công khai	Ghi chú
1	Kế hoạch tuyển sinh lớp 10	Chỉ tiêu tuyển sinh: 360 phương thức tuyển sinh: Xét tuyển	Kế hoạch số 10/KH-THPTĐS ngày 15/4/2025 Kế hoạch Tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025 – 2026 (Điều chỉnh thời gian thi tuyển) - Trường

STT	Nội dung kế hoạch	Thông tin công khai	Ghi chú
			THPT Đắk Song- Tỉnh Lâm Đồng
2	Quy mô tổ chức dạy học	27 lớp; 1.219 học sinh đầu năm; 1.193 học sinh cuối năm	KH số 37/KH-THPTĐS ngày 30/9/2025
3	Tổ chức Chương trình giáo dục phổ thông 2018	Thực hiện theo kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch môn học và hoạt động giáo dục đã được phê duyệt	KH số 37/KH-THPTĐS ngày 30/9/2025
4	Môn học lựa chọn, chuyên đề học tập	Theo KH thực hiện chương trình giáo dục theo từng môn học, nhóm môn học cụm chuyên đề học tập của các khối lớp trong năm học 2025-2026	KH số 22a/KH-THPTĐS ngày 31/8/2025
5	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Tổ chức theo kế hoạch giáo dục nhà trường; tăng cường tư vấn hướng nghiệp, phân luồng sau THPT	
6	Hỗ trợ học tập, rèn luyện	Tổ chức phụ đạo, bồi dưỡng học sinh giỏi, hỗ trợ học sinh yếu, tư vấn tâm lý, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục pháp luật	
7	Chuyển đổi số, ứng dụng AI	Tăng cường sử dụng học liệu số, phần mềm quản lý, công cụ số trong dạy học, kiểm tra đánh giá và quản trị nhà trường	- Kế hoạch số 49/KH-THPTĐS ngày 08/11/2025 triển khai và tổ chức tập huấn cho cán bộ, giáo viên về phát triển năng lực số và kỹ năng công dân số cho học sinh - Kế hoạch số 11/KH-THPTĐS ngày 17/3/2026 Triển khai thực hiện Đề án Chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2026 - 2030 và đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý, giảng dạy tại Trường THPT Đắk Song
8	Phối hợp nhà trường - gia đình - xã hội	Phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh, chính quyền địa phương, đoàn thể và các tổ chức liên quan trong giáo dục học sinh

2. Kết quả hoạt động giáo dục năm học 2025 - 2026

2.1. Kết quả rèn luyện

Mức rèn luyện	Toàn trường	Khối 10	Khối 11	Khối 12	Ghi chú
Tốt	92,62%	87,83%	94,09%	95,02%	
Khá	6,79%	11,30%	5,17%	4,75%	
Đạt	0,42%	0,29%	0,74%	0,23%	
Chưa đạt	0,17%	0,58%	0,00%	0,00%	

Nhận xét: Kết quả rèn luyện của học sinh nhìn chung tích cực, tỷ lệ học sinh được đánh giá mức Tốt và Khá chiếm tỷ lệ cao. Nhà trường cần tiếp tục tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, văn hóa ứng xử, an toàn trường học, phòng chống bạo lực học đường, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật trong học sinh.

2.2. Kết quả học tập

Mức học tập	Toàn trường	Khối 10	Khối 11	Khối 12	Ghi chú
Tốt	20,20%	7,25%	20,44%	30,09%
Khá	49,37%	41,16%	54,68%	50,90%
Đạt	30,26%	51,01%	24,88%	19,00%
Chưa đạt	0,17%	0,58%	0,00%	0,00%

Nhận xét: Tỷ lệ học sinh có kết quả học tập Tốt, Khá đạt mức tương đối cao; tỷ lệ học sinh chưa đạt thấp. Tuy nhiên, kết quả ở khối 10 còn cần được quan tâm nhiều hơn, nhất là công tác củng cố kiến thức nền, phương pháp tự học, tư vấn lựa chọn môn học, phụ đạo học sinh có nguy cơ chưa đạt và bồi dưỡng học sinh có năng lực nổi trội.

2.3. Tổng hợp kết quả cuối năm

STT	Chỉ tiêu	Toàn trường	Khối 10	Khối 11	Khối 12
1	Lên lớp/tốt nghiệp chương trình năm học	99,75%	99,13%	100,00%	100,00%
2	Học sinh xuất sắc	2,43%	0,00%	0,74%	5,88%
3	Học sinh giỏi	17,69%	7,25%	19,70%	23,98%
4	Thi lại	0,75%	2,32%	0,25%	0,00%
5	Lưu ban	0,25%	0,87%	0,00%	0,00%
6	Chuyển trường đến/đi	0,59%	0,29%	1,48%	0,00%
7	Bị đuổi học	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
8	Bỏ học	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%

2.4. Kết quả tốt nghiệp, tuyển sinh sau THPT, học sinh giỏi và các hoạt động khác

STT	Nội dung	Kết quả	Ghi chú
1	Học sinh lớp 12 dự thi tốt nghiệp THPT	442	Số liệu dự thi theo báo cáo năm học
2	Học sinh được công nhận tốt nghiệp THPT năm 2026	Bổ sung sau khi có kết quả chính thức
3	Tỷ lệ tốt nghiệp THPT năm 2026%	Bổ sung sau khi có kết quả chính thức
4	Điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp THPT	Bổ sung theo phổ điểm/kết quả thi chính thức
5	Học sinh trúng tuyển đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp	Bổ sung theo thống kê sau tuyển sinh
6	Học sinh nữ	662	Khối 10: 187; Khối 11: 229; Khối 12: 246
7	Học sinh dân tộc thiểu số	63	Khối 10: 16; Khối 11: 27; Khối 12: 20
8	Học sinh đạt giải học sinh giỏi, khoa học kỹ thuật, cuộc thi cấp tỉnh trở lên	25 HSG tỉnh 01 HS dự thi HSG Quốc gia 02 HS đạt giải KHKT cấp tỉnh	25 HSG tỉnh (6 Giải Nhì, 8 Giải Ba, 14 Giải KK); Có 01 học sinh được dự thi HSG Quốc gia; Có 01 đề tài (02 HS) đạt Giải Tư cuộc thi KHKT cấp tỉnh
9	Học sinh xuất sắc	29	
10	Học sinh giỏi	211	

- Nhà trường đã tổ chức ngày hội STEM cấp trường lần thứ III với 51 sản phẩm dự thi của học sinh, có 33 sản phẩm đạt giải, trong đó Nhất: 07 giải, Nhì: 06 giải, Ba: 06 giải, KK: 10 giải.

- Có 01 đề tài đạt Giải Tư trong Cuộc thi KHKT cấp tỉnh

- Có 25 HS đạt giải trong kỳ thi HSG THPT cấp tỉnh trong đó có 6 Giải Nhì, 8 Giải Ba, 14 Giải KK; Có 01 học sinh được dự thi HSG Quốc gia.

- Nhà trường tổ chức cuộc thi “Đại sứ văn hóa đọc năm 2026” và trao giải cho 01 tập thể, 10 cá nhân.

- Tham gia Tuần lễ đọc sách trên Thư viện số Dlib K12 năm 2026 với chủ đề "Vươn mình kỷ nguyên số - Kiến tạo tương lai, đạt kết quả: Nhất: 01 giải, Nhì: 01 giải, Ba: 01 giải, KK: 02 giải

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Thông tin tài chính trong báo cáo này công khai theo kết quả xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2025 và các số liệu tài chính đã được phép công khai. Đối với số liệu năm 2026 hoặc các khoản chưa quyết toán, nhà trường chỉ công khai khi có căn cứ, chứng từ, báo cáo được phê duyệt theo quy định.

1. Quyết toán chi ngân sách

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	155.377.873 đồng	
2	Dự toán được giao trong năm	15.222.272.000 đồng	Giao đầu năm 14.321.500.000 đồng; bổ sung 900.772.000 đồng
3	Kinh phí thực nhận trong năm	14.955.054.148 đồng	
4	Kinh phí quyết toán	14.955.054.148 đồng	
5	Kinh phí giảm trong năm/hủy dự toán	422.595.725 đồng	
6	Kinh phí chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán	0 đồng	
7	Kinh phí đơn vị đề nghị quyết toán	15.106.247.148 đồng	
8	Kinh phí được Sở GDĐT chấp nhận quyết toán	15.106.247.148 đồng	

2. Kết quả thực hiện các nguồn kinh phí

Đơn vị tính: Đồng

Nguồn kinh phí	Năm trước chuyển sang	Thu trong năm	Chi trong năm	Tồn cuối năm/ Ghi chú
Nguồn tự chủ		13.928.000.000	13.928.000.000	0
Nguồn không tự chủ	155.377.873	1.294.272.000	1.027.054.148	422.595.725
Nguồn học phí	99.095.110	7.570.000	106.665.110	0; thuế 2%: 151.400
Nguồn dạy thêm, học thêm	26.170.739	0	0	26.170.739
Hoạt động tài chính		207.279	0	Thặng dư 207.279; CCTL 82.912; tồn 124.367
Nguồn cải cách tiền lương	45.226.095	82.912	44.527.890	781.117
Chăm sóc sức khỏe ban đầu	61.379.907	0	9.408.000	51.971.907
Theo Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND tỉnh Đắk Nông	16.750.000	0	16.750.000	0

Nhận xét: Nhà trường thực hiện công khai, minh bạch tình hình quản lý, sử dụng ngân sách và các nguồn tài chính theo quy định; ưu tiên chi cho con người, hoạt động

chuyên môn, bảo đảm điều kiện dạy học, sửa chữa, mua sắm thiết bị và các hoạt động hỗ trợ học sinh. Các khoản thu, chi chỉ được công khai khi có chứng từ, báo cáo quyết toán, thông báo xét duyệt quyết toán hoặc văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

3. Chính sách miễn, giảm, hỗ trợ học sinh và các khoản tài trợ, xã hội hóa

STT	Nội dung	Kết quả	Ghi chú
1	Miễn, giảm học phí	100%	Học sinh được miễn tiền học phí theo quy định của Chính phủ
2	Hỗ trợ chi phí học tập	111.448.000 đồng	Theo NĐ 238/2025/NĐ-CP; Thông tư 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐT-BXH-BTC; Nghị định số 66/2025/NĐ-CP
3	Học bổng, trợ cấp, hỗ trợ học sinh khó khăn	37.500.000 đồng	Từ nguồn “Quỹ Tiếp sức đến trường” của nhà trường
4	Tài trợ, xã hội hóa giáo dục	0	
5	Các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo quy định	0	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Kết quả nổi bật năm học 2025 - 2026	Ghi chú/ minh chứng
1	Nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn	Tỷ lệ học sinh lên lớp đạt 99,75%; tỷ lệ học sinh có kết quả rèn luyện Tốt đạt 92,62%; kết quả học tập Tốt, Khá chiếm tỷ lệ cao	Học bạ, sổ điểm, báo cáo chuyên môn
2	Hoạt động STEM, nghiên cứu khoa học, sáng tạo	Tổ chức Ngày hội STEM cấp trường lần thứ III với 51 sản phẩm dự thi; số sản phẩm đạt giải: 29; có 01 đề tài đạt Giải Tư cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh	Nhất: 07 giải, Nhì: 06 giải, Ba: 06 giải, KK: 10 giải.
3	Văn hóa đọc, thư viện, học liệu số	Tổ chức cuộc thi “Đại sứ văn hóa đọc năm 2026”; tham gia Tuần lễ đọc sách trên Thư viện số Dlib K12 năm 2026, đạt 01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 01 giải Ba, 02 giải Khuyến khích	Quyết định, giấy chứng nhận
4	Công tác xây dựng đội ngũ	14 sáng kiến cấp trường; 05 sáng kiến được công nhận cấp Sở; 14 giáo viên tham gia và đạt giáo viên dạy giỏi cấp trường; 09/14 giáo viên dự thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh đạt giải	Hồ sơ sáng kiến, quyết định công nhận

STT	Nhiệm vụ trọng tâm	Kết quả nổi bật năm học 2025 - 2026	Ghi chú/ minh chứng
5	Thi đua, khen thưởng	Nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ, được đề nghị/tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến; Đoàn Thanh niên xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Chi bộ được xếp loại Chi bộ 4 tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2025	
6	Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và AI	Tăng cường sử dụng hồ sơ điện tử, học liệu số, công cụ số trong quản trị, dạy học, kiểm tra đánh giá và truyền thông nhà trường	Nhà trường sử dụng nền tảng VNedu, các phần mềm quản lý tài chính, tài sản MISA, PM chấm trắc nghiệm,..
7	Xã hội hóa giáo dục, cải thiện cảnh quan	Nhà trường chú trọng công tác trồng hoa, tôn tạo khuôn viên xanh sạch đẹp	
8	An toàn trường học, giáo dục đạo đức, lối sống	Duy trì nền nếp, kỷ cương; tăng cường phối hợp giáo dục học sinh, tư vấn tâm lý, phòng chống vi phạm nội quy, bạo lực học đường và tệ nạn xã hội	Nhà trường đạt chuẩn trường học An toàn, đạt chuẩn đơn vị AT. ANTT năm 2025

VIII. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Công tác quản trị nhà trường được duy trì ổn định; việc thực hiện công khai, dân chủ, trách nhiệm giải trình tiếp tục được quan tâm.

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ bản bảo đảm về số lượng, đạt chuẩn về trình độ đào tạo, có tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ.

- Chất lượng giáo dục có chuyển biến tích cực; tỷ lệ học sinh được đánh giá rèn luyện Tốt, học tập Tốt/Khá và tỷ lệ lên lớp ở mức cao.

- Nhà trường quan tâm phát triển hoạt động STEM, nghiên cứu khoa học, văn hóa đọc, hoạt động Đoàn - Hội, phong trào thi đua và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

- Công tác quản lý tài chính, tài sản, cơ sở vật chất được thực hiện theo hướng công khai, tiết kiệm, phục vụ nhiệm vụ dạy học và giáo dục.

2. Hạn chế, khó khăn

- Quy mô học sinh/lớp còn cao; số phòng học hiện có chưa tương xứng với số lớp, tạo áp lực trong tổ chức dạy học và bố trí thời khóa biểu.

- Một số hạng mục cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, thiết bị công nghệ thông tin, phòng học bộ môn, thư viện và công trình phụ trợ cần được tiếp tục đầu tư, sửa chữa, bổ sung.

- Một số số liệu công khai cần được cập nhật sau khi có kết quả tốt nghiệp THPT năm 2026, tuyển sinh đại học/cao đẳng/giáo dục nghề nghiệp và quyết toán tài chính năm 2026.

- Công tác chuyển đổi số và ứng dụng AI trong dạy học, kiểm tra đánh giá, quản trị nhà trường cần tiếp tục được chuẩn hóa về quy trình, minh chứng, bảo đảm an toàn, đạo đức và hiệu quả sử dụng.

3. Nguyên nhân và bài học kinh nghiệm

Những khó khăn chủ yếu xuất phát từ quy mô học sinh lớn, nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất tăng nhanh, yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ngày càng cao, trong khi nguồn lực đầu tư còn hạn chế. Bài học kinh nghiệm là phải chủ động xây dựng kế hoạch, công khai minh bạch thông tin, tăng cường phối hợp với cấp quản lý, chính quyền địa phương, cha mẹ học sinh và các lực lượng xã hội; đồng thời phát huy trách nhiệm của từng tổ chuyên môn, từng giáo viên, nhân viên trong thực hiện nhiệm vụ.

4. Định hướng nhiệm vụ năm học tiếp theo

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT; nâng cao chất lượng dữ liệu công khai, bảo đảm đúng, đủ, kịp thời, dễ tiếp cận.

- Duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh còn hạn chế; nâng cao chất lượng thi tốt nghiệp THPT và định hướng sau THPT.

- Tham mưu đầu tư, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, hạ tầng công nghệ thông tin, thư viện và các điều kiện bảo đảm an toàn trường học.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, sử dụng AI có trách nhiệm trong dạy học, kiểm tra đánh giá, quản trị và hỗ trợ học sinh.

- Tiếp tục xây dựng môi trường giáo dục kỷ cương, nhân văn, thân thiện, an toàn, hạnh phúc; phát huy vai trò phối hợp của gia đình, nhà trường và xã hội.

IX. CAM KẾT CÔNG KHAI VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cam kết công khai

Trường THPT Đắk Song cam kết các thông tin công khai trong báo cáo thường niên được tổng hợp từ hồ sơ, dữ liệu, báo cáo chuyên môn, báo cáo tài chính, báo cáo cơ sở vật chất và các minh chứng của nhà trường. Nhà trường chịu trách nhiệm rà soát, cập nhật, bổ sung, điều chỉnh các nội dung công khai khi có số liệu chính thức hoặc khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Hình thức, thời điểm và địa điểm công khai

STT	Nội dung	Hình thức thực hiện
1	Công khai báo cáo thường niên	Đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trường THPT Đắk Song

STT	Nội dung	Hình thức thực hiện
2	Công khai các nội dung có liên quan đến người học, cha mẹ học sinh	Thông tin tại các cuộc họp cha mẹ học sinh, thông báo của nhà trường hoặc hình thức phù hợp theo quy định
3	Công khai tài chính, tài sản, cơ sở vật chất	Công khai theo quy định pháp luật về ngân sách, tài chính, tài sản công và quy chế nội bộ của nhà trường
4	Cập nhật, điều chỉnh thông tin công khai	Thực hiện khi có số liệu chính thức, khi phát sinh thay đổi hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền

3. Phân công thực hiện

STT	Bộ phận/cá nhân	Nhiệm vụ
1	Hiệu trưởng	Chỉ đạo chung; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của thông tin công khai; ký ban hành báo cáo sau khi rà soát.
2	Các Phó Hiệu trưởng	Rà soát số liệu, minh chứng thuộc lĩnh vực được phân công; phối hợp hoàn thiện các nội dung chuyên môn, học sinh, cơ sở vật chất, kiểm định chất lượng.
3	Kế toán	Cung cấp và chịu trách nhiệm về số liệu tài chính, quyết toán, dự toán, các khoản thu chi, chính sách miễn giảm, hỗ trợ học sinh, nguồn tài trợ, xã hội hóa.
4	Văn thư, phụ trách công nghệ thông tin	Hoàn thiện thể thức văn bản; đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử; lưu trữ hồ sơ công khai theo quy định.
5	Tổ chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm, Đoàn Thanh niên	Cung cấp số liệu, minh chứng về chất lượng giáo dục, hoạt động giáo dục, phong trào, học sinh, thi đua, khen thưởng và các nhiệm vụ liên quan.

Trên đây là Báo cáo thường niên công khai trong hoạt động của Trường THPT Đắk Song năm học 2025 - 2026.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT Lâm Đồng (báo cáo);
- Trang thông tin điện tử của trường (công khai);
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Trần Công Toàn